TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ Ngày: 29/01/2019	

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thu Hương

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Đình Hiếu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Bà nguyễn Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, huyện Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến D; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lò Thị Ch; SN: 1986; chức vụ: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã T, huyện Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà: Nguyễn Thị K; SN: 1963; trú tại: Xóm 14, thôn V, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2. Bà: Phan Thị V; SN; 1961; Nơi ĐKHKTT: Đội 20, xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Đội C3, xã T, huyện Điện Biên.

3. Ông Phạm Văn H; SN: 1960 (đã chết); địa chỉ: Đội C3, xã T, huyện Điện Biên

(Bà Ch, Bà V có mặt, bà K vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 02/7/2013, ông Phạm Văn H, sinh năm 1960, trú tại C3, xã T, huyện Điện Biên và bà Phan Thị V; sinh năm 1961; trú tại: Đội 20, xã N, huyện Điện Biên đến UBND xã T đề nghị được làm thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ vào lời khai của ông H là chưa đăng ký kết hôn với ai đang sống độc thân và căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Phan Thị V do UBND xã N xác nhận bà V chưa đăng ký kết hôn với ai. Qua xem xét thấy ông H và bà V có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nên trong ngày 02/7/2013, UBND xã T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông H và bà V. Sau khi ông H và bà V kết hôn gia đình ông H biết chuyện đã lên UBND xã báo cáo sự việc là năm 1985 ông H đã đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị K, hai người chung sống và có 02 người con; con thứ nhất là: Phạm Ánh Ng, sinh năm 1985, con thứ hai chết khi còn nhỏ. Đến năm 1989 thì bà K chuyển về Thái Bình sinh sống. Giữa ông H và bà K chưa giải quyết ly hôn. UBND xã T đã mời ông H đến làm việc, ông H đã khai nhận là do bà K bỏ đi quá lâu, bản thân ông H thường xuyên ốm đau muốn có người chăm sóc nên mới xin đăng kết hôn với bà V. Ông H nhận lỗi trước UBND xã. UBND xã T đã tiến hành thu hồi và hủy giấy chứng nhận kết hôn đã cấp cho ông H và bà V, đồng thời xóa sổ đăng ký kết hôn.

Tháng 12/2018, ông H chết giữa bà K và bà V sảy ra tranh chấp tài sản. Ngày 26/12/2018, UBND xã T, có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Văn H và bà Phan Thị V.

Tại phiên họp ngày 29/01/2019, UBND xã T không có ý kiến gì khác vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa Phạm Văn H và bà Phan Thị V. Ông H đã chết, bà V có mặt, bà K có đơn xin vắng mặt căn cứ Khoản 2 Điều 367/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết việc dân sự: Vụ việc thuộc thẩm quyền thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 29; Điểm b Khoản 2 Điều 35; Điểm g Khoản 2 Điều 39/BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của UBND xã T, huỷ việc kết hôn trái pháp luật ngày 02/7/2013 giữa ông Phạm Văn H và bà Phan Thị V. Căn cứ Khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điểm d Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. UBND xã T huyện Điện Biên không phải chịu lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của người yêu cầu, Tòa án xác định đây là việc: "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật".

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu là UBND xã T có trụ sở tại xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 29; Điểm b Khoản 2 Điều 35; Điểm g Khoản 2 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Việc ông H và bà K lấy nhau năm 1985 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 để xem xét tính hợp pháp của hôn nhân. Việc ông H kết hôn với bà V năm 2013, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Việc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị K lấy nhau năm 1985 có đăng ký tại UBND thị trấn nông trường, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu (cũ) được bà Hà Thị Ngọc, hiện trú tại: Đội C3, xã T, huyện Điện Biên, ông Hà Đức Lợi và bà Phạm Thị C và là em gái ông H biết và chứng kiến đồng thời khi được UBND xã T mời lên làm việc ông H cũng thừa nhận việc này. Tuy nhiên giấy chứng nhận kết hôn và sổ sách ghi nhận việc kết hôn của hai người đều không còn lưu giữ nên Tòa án không có cơ sở xem xét. Tại phiên họp bà V yêu cầu được xem giấy chứng nhận kết hôn của ông H và bà K. Cho dù ông H và bà K có không đăng ký kết hôn thì việc ông H và bà K chung sống với nhau từ năm 1985 và có 02 người, một người sinh năm 1985 và một người chết khi còn nhỏ theo quy định tại điểm a Điều 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của ông H và bà K là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Năm 1989 bà K chuyển về Thái Bình sinh sống từ đó đến nay. Ông H và bà K chưa được bất kỳ Tòa án nào giải quyết việc ly hôn.

Ngày 02/7/2013, UBND xã T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông H và bà V, mặc dù hôn nhân giữa ông H và bà V được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật, nhưng do trước đó ông H và bà K chưa ly hôn nên việc đăng ký kết hôn của ông H và bà V là trái pháp luật vi phạm quy định Khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Sau khi phát hiện sự việc UBND xã T đã gọi ông H lên làm việc, đồng thời thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn đã cấp cho ông H và bà V, xóa sổ đăng ký kết hôn tuy nhiên việc xử lý như vậy của UBND xã T là không đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định của pháp luật về việc hủy kết hôn trái pháp luật.

Việc UBND xã T có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Văn H và bà Phan Thị V là có căn cứ và có cơ sở, người có nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị V cũng không có ý kiến gì. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà V không được pháp luật công nhận và bảo vệ, cần phải hủy để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của bà K và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông H và bà V đã được UBND xã T thu hồi và hủy bỏ do vậy Tòa án không xem xét.

Ông H và bà V không có con chung, tài sản của ông H và bà V có trong thời kỳ chung sống với nhau sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[4]. Về lệ phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điểm d Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. UBND xã T huyện Điện Biên không phải chịu lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 29; Điểm b Khoản 2 Điều 35; Điểm g Khoản 2 Điều 39; Khoản 2 Điều 149; Khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372/BLTTDS;

- Căn cứ Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Tuyên bố: Hủy việc kết hôn ngày 02/7/2013 giữa ông Phạm Văn H và bà Phan Thị V tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Điện Biên. Giấy chứng nhận kết hôn của ông Phạm Văn H và bà Phan Thị V, Ủy ban nhân dân xã T đã tự hủy bỏ từ năm 2013 do vậy Tòa án không xem xét.

3. Về lệ phí: UBND xã T huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên không phải chịu lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Lò Thị Ch, bà Phan Thị V có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày (29/01/2019). Ông Lê Tiến D, bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Điện Biên;*
- *Chi cục THA dân sự H. Điện Biên;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có QL,VNLQ;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương

<u>Nơi nhận</u>:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐB;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Người yêu cầu;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu kết quả.

Đỗ Thu Hương